

**ĐIỂM BÀI THU HOẠCH**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 8 (Thành phố)

Phần A.I,II. Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Đoàn Thị Vân Anh	6,25	Sáu phẩy hai năm	41	Nông Thị Huyền My	7,00	Bảy
2	Hoàng Thị Chao	7,00	Bảy	42	Nguyễn Thị Huyền My	6,50	Sáu phẩy năm
3	Lôi Thị Chao	6,25	Sáu phẩy hai năm	43	Lý Thị Mùi	7,00	Bảy
4	Trần Huệ Chi	6,25	Sáu phẩy hai năm	44	Lục Thị Bích Ngọc	7,50	Bảy phẩy năm
5	Đàm Quang Chiến	6,50	Sáu phẩy năm	45	Nông Thị Ngâm	7,00	Bảy
6	Hoàng Ngọc Diệp	6,50	Sáu phẩy năm	46	Dương Thị Nghiệp	7,25	Bảy phẩy hai năm
7	Đàm Đức Dũng	6,50	Sáu phẩy năm	47	Nguyễn Thị Nhã	7,75	Bảy phẩy bảy năm
8	Phạm Ngọc Diệp	6,50	Sáu phẩy năm	48	Nguyễn Tuyết Nhung	7,50	Bảy phẩy năm
9	Nguyễn Minh Đoàn	6,75	Sáu phẩy bảy năm	49	Ma Thị Oanh	7,50	Bảy phẩy năm
10	Lã Thị Giang	7,00	Bảy	50	Lý Thị Phúc	7,00	Bảy
11	Đinh Văn Giáp	7,00	Bảy	51	Ngô Thị Phượng	8,00	Tám
12	Nông Thị Ngân Hà	7,75	Bảy phẩy bảy năm	52	Hoàng Hải Quý	7,00	Bảy
13	Hoàng Thị Thanh Hà	7,50	Bảy phẩy năm	53	Phùng Thị Quỳnh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
14	Nông Thị Thúy Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	54	Nông Công Sỹ	7,50	Bảy phẩy năm
15	Nông Thị Hằng	6,50	Sáu phẩy năm	55	Phạm Thị Tài	7,00	Bảy
16	Vũ Thị Hằng	7,25	Bảy phẩy hai năm	56	Chu Văn Tình	6,00	Sáu
17	Đỗ Thị Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	57	Lục Toàn Thắng	7,00	Bảy
18	Lâm Thị Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	58	Nông Quốc Thắng	8,00	Tám
19	Hoàng Thị Thu Hiền	7,00	Bảy	59	Nguyễn Thị Thuận	7,50	Bảy phẩy năm
20	Lục Minh Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	60	Lục Xuân Trường	7,50	Bảy phẩy năm
21	Nguyễn Thị Thanh Hoa	7,75	Bảy phẩy bảy năm	61	Phạm Thị Minh Thoa	7,75	Bảy phẩy bảy năm
22	Hoàng Thị Hoan	7,25	Bảy phẩy hai năm	62	Mã Thị Thu	6,50	Sáu phẩy năm

le

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Nông Thị Hồng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	63	La Thị Minh Thứ	7,00	Bảy
24	Vũ Thị Hồng	7,00	Bảy	64	Lại Thị Minh Thúy	7,50	Bảy phẩy năm
25	Đông Thanh Huệ	7,00	Bảy	65	Nông Bích Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
26	Ngân Thị Hương	6,50	Sáu phẩy năm	66	Bé Thị Thanh Thủy	7,00	Bảy
27	Vũ Thị Lan Hương	6,00	Sáu	67	Lăng Thị Thủy	6,50	Sáu phẩy năm
28	Phạm Thị Lan Hương	6,75	Sáu phẩy bảy năm	68	Nguyễn Thị Thu Trang	7,00	Bảy
29	Nông Thu Hương	6,00	Sáu	69	Phan Thị Thu Trang	8,00	Tám
30	Lý Ánh Hường	7,25	Bảy phẩy hai năm	70	Lương Quang Tuấn	7,50	Bảy phẩy năm
31	Lục Đức Khánh	7,00	Bảy	71	Nguyễn Thị Tuyền	7,00	Bảy
32	Lục Thị Kiều	6,00	Sáu	72	Nông Thị Tuyết	8,00	Tám
33	Lục Thị Phương Lan	7,00	Bảy	73	Bé Xuân Vinh	7,50	Bảy phẩy năm
34	Nông Thị Diệu Linh	8,00	Tám	74	Hoàng Trường Vương	7,00	Bảy
35	Phan Khánh Linh	7,25	Bảy phẩy hai năm	75	Hoàng Thị Kiều Xuân	8,00	Tám
36	Phan Thị Liên	7,00	Bảy	76	Nguyễn Hải Yến	7,00	Bảy
37	Hoàng Thị Liên	8,00	Tám	77	Đàm Thị Yến	7,00	Bảy
38	Nông Thị Thúy Lưu	7,50	Bảy phẩy năm	78	Trần Thị Bạch Yến	7,50	Bảy phẩy năm
39	Đinh Thị Lụa	7,50	Bảy phẩy năm	79	Lương Thị Hải Yến	7,50	Bảy phẩy năm
40	Hà Vũ Mạnh	6,00	Sáu				

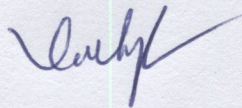
Điểm 6,00: 05 điểm; Điểm 6,25: 03 điểm; Điểm 6,50: 09 điểm; Điểm 6,75: 02 điểm; Điểm 7,00: 23 điểm; Điểm 7,25: 05 điểm; Điểm 7,50: 19 điểm; Điểm 7,75: 06 điểm; Điểm 8,00: 07 điểm./.

GHI ĐIỂM

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG







Bé Thị Hương

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa